TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2023
"V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi; Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hồng, bà Hoàng Thị Thiện Lai;

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi; Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2023/QĐST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân M: ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2023 của Văn phòng C, tỉnh An Giang chứng nhận); có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Bà Lê Diệu L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

+ Ông Lê Văn T (3 T1), sinh năm 1975; địa chỉ ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Quốc N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình

bày, Đại diện Bùi Quốc N nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Xuân M có chơi hụi của ông T, bà L ngày 11/5/2022 âm lịch, các bên viết giấy nhận nợ hụi với số tiền là 302.000.000 đồng. Sau đó, ngày 20/10/2022 âm lịch ông T viết giấy nhận nợ hụi và nợ vay với tổng số tiền là 322.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng là do bà L, ông T vay bà M được bà M chuyển qua tài khoản của bà L.

Nay bà M yêu cầu bà L, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 322.000.000 đồng, tại đơn khởi kiện có yêu cầu tính lãi từ ngày 14/12/2022 và rút lại yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Diệu L trình bày: bà L và ông T là vợ chồng, có viết giấy nhận nợ, trong đó ngày 11.5.2022 âm lịch bà viết giấy công nhận tiền nợ hụi với số tiền là 302.000.000 đồng, bà có hỏi vay thêm số tiền 20.000.000 đồng được bà M chuyển khoản, nên tổng số tiền nợ của bà M là 322.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà M là đúng. Đến ngày 20/10/2022 ông T có làm biên nhận với tổng số tiền là 322.000.000 đồng là đúng.

Nay đồng ý bà và ông T liên đới thanh toán cho bà M số tiền là 322.000.000 đồng, nhưng do hiện nay bà và ông T không còn nguồn thu nên chưa thể trả một lần cho bà M, đề nghị thanh toán dần cho bà M.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Ông Bùi Quốc N đại diện của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình, không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, xác định rút lại yêu cầu tính lãi suất.

- Bà Lê Diệu L xác định các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã công khai là đúng, công nhận số tiền nợ hụi, không có tài liệu chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án, cũng như không có yêu cầu khác để chứng minh cho quyền, nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa bà L thừa nhận đến nay còn nợ bà M số tiền như đại diện của bà M đã trình bày, xác định giấy nợ hụi, tiền vay là cả tiền hụi và tiền vay đúng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn.

- Ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn bà L đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ 2, nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M; buộc bà Lê Diệu L và ông Lê Văn T liên đới trả bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 322.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Xuân M.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Xuân M và bà Lê Diệu L hiện đang cư trú trên địa bàn huyện C, giữa bà M, bà L có quan hệ góp hụi và thống nhất việc bà L, ông T vay tiền của bà M, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là "tranh chấp về Hợp đồng góp hụi, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; thẩm quyền giải quyết xác định theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[1.3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Bà M ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng phù hợp với quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên ông N có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đương sự theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định tiền hụi, tiền vay: giữa bà Nguyễn Thị Xuân M và bà Lê Diệu L có quan hệ góp hụi (họ) theo đó bà L là chủ hụi, bà M là hụi viên. Quá trình giải quyết vụ án cả bà M và bà L đều thống nhất việc bà M có tham gia dây các dây hụi , ngày 11/5/2022 âm lịch bà L có xác nhận biên nhận nợ hụi với số tiền 302.000.000 đồng, cũng như xác nhận vay của bà M số tiền 20.000.000 đồng. Vì thế, bà L xác nhận việc ông T có xác nhận nợ số tiền 322.000.000 đồng tại giấy biên nhận ngày 20/10/2022 âm lịch là đúng. Do vậy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tài liệu, chứng cứ không cần chứng minh.

Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, thì người có nghĩa vụ, chủ hụi phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hụi còn thiếu cho hụi viên, nên việc bà L thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà M, cũng như việc ông T đã ký xác nhận nợ số tiền 322.000.000 đồng (gồm nợ hụi, nợ vay); cho nên theo quy định tại các Điều 351, 352, 357 Bộ luật Dân sự thì người có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi có yêu cầu của bên có quyền. Do đó, việc bà M yêu cầu ông T, bà

L phải có nghĩa vụ trả tiền là phù hợp. Ngoài ra, bà L cũng thống nhất số tiền còn chưa thanh toán cho bà M. Vì vậy, việc bà M khởi kiện là có cơ sở xem xét.

[2.2] Về trách thanh toán: Theo quy định tại Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, cho nên việc bà M, cùng bà L đều xác nhận việc ông T biết việc bà L là chủ hụi, ông T cũng có thực hiện việc thu hụi. Hơn nữa, ông T có xác nhận số tiền vay, thể hiện tại biên nhận ngày 20/10/2022 âm lịch, mặc dù ông T vắng mặt, nhưng Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, ông không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà M, có nghĩa ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Ngoài ra, giữa ông T với bà L có đăng ký kết hôn từ năm 2002. Do đó, việc bà M có yêu cầu khởi kiện buộc ông T, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền 322.000.000 đồng cho bà là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại đơn khởi kiện, bà M có yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà M đề nghị rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu là tự nguyện, nằm trong phạm vi được ủy quyền, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ yêu cầu tính lãi suất.

[2.4] Về án dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Lê Diệu L, ông Lê Văn T phải chịu án phí tương ứng với số tiền mà bà M được chấp nhận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 351, 352, 357, 288, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hụi, họ, điêu, phường của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M đối với bị đơn bà Lê Diệu L và ông Lê Văn T (3 T1); buộc bà Lê Diệu L, ông Lê Văn T (3 T1) phải liên đới trả bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 322.000.000 đồng *(ba trăm hai mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 322.000.000 đồng *(ba trăm hai mươi hai triệu đồng)*.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân M được hoàn trả tiền tạm ứng án phí với số tiền 8.050.000 đồng *(tám triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0013343 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Diệu L, ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 16.100.000 đồng *(mười sáu triệu, một trăm nghìn đồng)*, bà L, ông T phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên